

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Phong P**, sinh năm 1971 (Có mặt). Trú tại: Số 1B, đường L, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lưu Phong P trình bày: Ngày 11/5/2014, ông Nguyễn Văn T có vay ông số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Ông T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR628653, do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 24/01/2014; phần đất diện tích 121m², thửa đất số 416, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Theo thỏa thuận giữa ông và ông T như sau: Ông T phải trả lãi 6%/tháng/150.000.000 đồng; đồng thời ông T trả đầy đủ tiền lãi và tiền gốc thì ông có trách nhiệm hoàn trả cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T đã thế chấp cho ông. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không thực hiện đóng tiền lãi, cũng như trả tiền gốc cho ông. Ông đã nhiều lần liên hệ về việc thanh toán, nhưng ông T hứa lại không thực hiện. Ông có làm đơn

yêu cầu đến chính quyền xã Lợi An, nhưng khi xác minh, ông T lẩn tránh, nên chính quyền xã Lợi An không làm việc được. Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông T phải hoàn trả tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/5/2014 đến ngày 11/5/2019, lãi suất do Nhà nước quy định.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng ông T vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Phong P; buộc bị đơn Nguyễn Văn T trả cho ông Lưu Phong P tổng số tiền 274.522.500 đồng (trong đó tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi 124.522.500 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Văn T, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch giữa các đương sự, được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2017), mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ông P khởi kiện yêu cầu ông T hoàn trả tiền gốc 150.000.000 đồng (khoản vay ngày 11/5/2014), tiền lãi từ ngày 11/5/2014 đến ngày 11/5/2019, theo mức lãi suất do

Nhà nước quy định. Ông P có cung cấp cho Tòa án hợp đồng cầm cố tài sản ngày 11/5/2014, biên nhận ngày 11/5/2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR628653, do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp cho ông T vào ngày 24/01/2014. Theo các tài liệu, chứng cứ mà ông P cung cấp, thể hiện: Người tên Nguyễn Văn T sinh năm 1962, số chứng minh nhân dân số 381729940; địa chỉ thường trú ấp Tân Phong, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; Ông T có ký vay ông P số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; ông T có thể chấp cho ông P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR628653, do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp ngày 24/01/2014; phần đất diện tích 121m², thửa đất số 416, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Để xác định các tài liệu, chứng cứ mà ông P đã cung cấp; Tòa án đã yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng tên thể hiện tại tài liệu, chứng cứ mà ông P đã cung cấp; Theo đó hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời cung cấp có tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân và địa chỉ thường trú trùng khớp với tài liệu, chứng cứ mà ông P đã cung cấp. Từ đó, căn cứ khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định ông Nguyễn Văn T có giao dịch vay tiền với ông P là có thật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng, không trả tiền gốc, lãi; ông P khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền gốc 150.000.000 đồng (khoản vay ngày 11/5/2014), tiền lãi từ ngày 11/5/2014 đến ngày 11/5/2019, theo mức lãi suất do Nhà nước quy định, là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về phần lãi suất, cần áp dụng mức lãi suất tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố mức lãi suất là 13,5%/năm = 1,125%/tháng (từ ngày 11/5/2014 đến ngày 31/12/2016) x 31 tháng x 150.000.000 đồng = 52.312.500 đồng; mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20% = 1,66%/tháng (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/5/2019) x 29 tháng x 150.000.000 đồng = 72.210.000 đồng. Tổng 124.522.500 đồng.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR628653, mà ông T đã thế chấp cho ông P; do không làm việc được với ông T; đồng thời trong vụ án này ông T cũng không có yêu cầu phản tố; nên ông P tiếp tục quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Trường hợp, có tranh chấp thì khởi kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 13.726.125 đồng (274.522.500 đồng x 5% = 13.726.125 đồng). Ông P được nhận lại số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0003312 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 401; Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Phong P; buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T trả cho ông Lưu Phong P số tiền 274.522.500 đồng (trong đó tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi 124.522.500 đồng). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 5% (án phí dân sự có giá ngạch) với số tiền 13.726.125 đồng (chưa nộp). Nguyên đơn ông Lưu Phong P được nhận lại số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0003312 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn ông Lưu Phong P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang